UBND TỈNH ĐỒNG THÁP **SỞ LAO ĐỘNG – TB&XH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 215 /BC-SLĐTBXH	*Đồng Tháp, ngày 05 tháng 11 năm 2020*

BÁO CÁO
Công tác hỗ trợ đào tạo lao động giai đoạn 2016-2020

Tiếp nhận Công văn số 2008/SCT-QLCN ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Sở Công thương về việc báo cáo công tác quản lý, xây dựng tiêu chí và phương pháp đánh giá hoạt động của cụm liên kết ngành công nghiệp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội báo cáo chính sách hỗ trợ đào tạo lao động giai đoạn 2016-2020 với các nội dung sau:

I. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO NGHỀ 2016 - 2020

1. Mạng lưới cơ sở Giáo dục nghề nghiệp

Trên địa bàn toàn tỉnh hiện nay có 28 cơ sở hoạt động Giáo dục nghề nghiệp *(GDNN)*. Cụ thể gồm: 02 Trường Cao đẳng, 03 Trường Trung cấp, 08 Trung tâm GDNN *(07 Trung tâm GDNN cấp huyện và 01 Trung tâm GDNN cấp tỉnh)* và 15 cơ sở khác có tham gia dạy nghề.

2. Đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo

- Qua tổng hợp, thống kê: Toàn tỉnh có 530 cán bộ quản lý *(CBQL)* và nhà giáo *(có 399 nhà giáo; 226 CBQL, trong đó có 96 CBQL tham gia giảng dạy*). Chia theo trình độ nhà giáo: *Sau đại học: 138/399 (chiếm 34,6%); Đại học: 210/399 (chiếm 52,6%); Cao đẳng, Cao đẳng nghề: 18/399 (chiếm 4,5%); Trung cấp, Trung cấp nghề: 33/399 (chiếm 8.2%).*

- Giai đoạn 2017 - 2019, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cập nhật kiến thức chuyên môn cho 541 lượt cán bộ quản lý và nhà giáo. Riêng năm 2020, bồi dưỡng, chuẩn hóa cho 355 lượt cán bộ, nhà giáo.

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

a) Cơ sở vật chất

Giai đoạn từ năm 2011 đến nay, có 13/24 cơ sở GDNN được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo với tổng kinh phí 88.096 triệu đồng. Nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ chủ yếu tập trung mua sắm trang thiết bị, ngân sách địa phương phần lớn tập trung đầu tư cơ sở vật chất cho các Trường, Trung tâm.

b) Trang thiết bị đào tạo

- Từ nguồn kinh phí đầu tư, các đơn vị thụ hưởng đã xây dựng danh mục thiết bị nghề để đầu tư phù hợp với quy mô, ngành nghề đào tạo tại địa phương. Các nghề được đầu tư chủ yếu gồm: *Điện công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Cắt gọt kim loại; Chế biến và bảo quản thủy sản; Nuôi trồng thủy*

sản và các thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Để phát huy tối đa hiệu quả trang thiết bị dạy nghề đã được đầu tư, Sở Lao động – TB&XH đã phối hợp với các Sở, ngành có liên quan rà soát và tham mưu UBND Tỉnh xem xét, điều chuyển trang thiết bị giữa các đơn vị đào tạo, đồng thời thường xuyên có văn bản nhắc nhở các đơn vị bảo quản trang thiết bị đúng yêu cầu, sử dụng đúng mục đích.

4. Ngành, nghề đào tạo

- Giai đoạn 2011-2019, tỉnh tổ chức đào tạo **30** nghề trình độ cao đẳng, **35** nghề trình độ trung cấp, **24** nghề trình độ sơ cấp và **55** nghề đào tạo dưới 03 tháng. Các chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy được xây dựng và hoàn chỉnh kịp thời, đáp ứng với sự phát triển ngành nghề đào tạo của địa phương, phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và khả năng tiếp thu của người học. Bài giảng mang tính tích hợp, vừa dạy lý thuyết kết hợp với thực hành nghề, không gây nhàm chán cho người học, sau khi kết thúc khóa học, học viên làm được ngay bằng chính nghề mình đã học.

- Có 05 trường công lập được phê duyệt nghề trọng điểm, cụ thể: cấp độ Quốc tế *(02 nghề)*, ASEAN *(04 nghề)*, Quốc gia *(06 nghề)*.

5. Kết quả tuyển sinh

- Giai đoạn 2016 - 2019, toàn tỉnh đã tổ chức tuyển sinh cho 85.218/84.500 học viên; *(trong đó: Cao đẳng: 6.803 học viên, Trung cấp:9.802 học viên, Sơ cấp và dạy nghề dưới 03 tháng: 68.613 học viên)* đạt 100,8% so với kế hoạch.

- Năm 2020, theo kế hoạch sẽ tổ chức tuyển sinh cho 21.500 học viên; trong đó: Cao đẳng: 2.525 học viên, trung cấp: 3.390 học viên, Sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng: 15.585 học viên. *Kết quả thực hiện đến 30/10/2020:* C*ao đẳng 1.000, trung cấp 3.154; Sơ cấp 3.574 học viên, đào tạo dưới 3 tháng: 9.325 học viên; trong đó đào tạo theo địa chỉ 1.873 học viên)* đạt 79,3%.

6. Việc làm sau đào tạo

Theo thống kê từ các đơn vị đào tạo, tỷ lệ học sinh, sinh viên học trung cấp cao đẳng ra trường có việc làm đạt khoảng 75%. Đối với đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt khoảng 80%; Đào tạo lao động theo đặt hàng của doanh nghiệp tỷ lệ lao động có việc làm 100%.

Đối với đào tạo lao động theo đặt hàng của doanh nghiệp, chủ yếu các nghề như: Chế biến và bảo quản thủy sản, nghề May công nghiệp, sau đào tạo 100% người lao động được bố trí vào làm việc tại doanh nghiệp.

7. Gắn kết giữa cơ sở GDNN và Doanh nghiệp

- Thực hiện theo Công văn 786/LĐTBXH-TCGDNN ngày 2/3/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, nhiều cơ sở GDNN đã hợp tác tốt với doanh nghiệp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và có cam kết về việc làm với thu nhập tốt cho người học. Theo

báo cáo của các cơ sở GDNN, Đến nay có 13 cơ sở GDNN ký kết hợp tác đào tạo với các Doanh nghiệp, nội dung hợp tác bao gồm: doanh nghiệp tiếp nhận học sinh đến thực tập tại doanh nghiệp cuối khóa; Doanh nghiệp tuyển dụng HSSV vào làm việc sau tốt nghiệp; Doanh nghiệp đặt hàng cơ sở GDNN đào tạo, đặt hàng gia công sản phẩm ứng dụng thực tế nhằm tăng thời lượng thực hành; sử dụng hiệu quả nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thực hành được trang cấp theo định mức;

- Ngoài ra còn một số nội dung được các trường phối hợp với doanh nghiệp nhưng mức độ chưa nhiều như: Doanh nghiệp hợp tác đào tạo học viên theo chương trình đào tạo của cơ sở GDNN; Hỗ trợ trang thiết bị và nguyên vật liệu; Mời chuyên gia thuộc doanh nghiệp tham gia giảng dạy trong quá trình đào tạo; tài trợ học bổng; tổ chức hội thảo chuyên đề với doanh nghiệp (tư vấn hướng nghiệp, định hướng nội dung phối hợp đào tạo, cải tiến, bổ sung những kiến thức và kỹ năng mới, tiên tiến vào trong chương trình đào tạo phù hợp và theo hướng thị trường...

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt được

- Sự quan tâm của lãnh đạo Tỉnh đối với công tác đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề theo địa chỉ cho doanh nghiệp; với chủ trương ngân sách nhà nước hỗ trợ 80% chi phí đào tạo, doanh nghiệp sử dụng lao động chi 20% chi phí đào tạo áp dụng đối với các doanh nghiệp có trụ sở chính đóng tại các xã trong tỉnh; ngân sách nhà nước hỗ trợ 75% chi phí đào tạo, doanh nghiệp sử dụng lao động chi 25% chi phí đào tạo áp dụng đối với các doanh nghiệp có trụ sở chính đóng tại các phường, thị trấn trong tỉnh.

- Năm 2019, Chỉ số thành phần về đào tạo lao động trong PCI của Tỉnh được cải thiện mạnh mẽ; trong đó, có 7/11 chỉ tiêu tăng điểm: năm 2019 đạt 6,56 điểm, tăng 0,7 điểm so với năm 2018 là 5,86 điểm, qua đó doanh nghiệp đánh giá khá tích cực về chất lượng của *"Dịch vụ giới thiệu việc làm"* của tỉnh *(tỷ lệ đánh giá khá cao từ 64 đến 92%),* giúp doanh nghiệp giảm thiểu đáng kể chi phí dành cho việc "đào tạo" và "tuyển dụng lao động".

- Công tác đào tạo gắn với giải quyết việc làm cho lao động được tổ chức thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, ổn định tình hình trật tự xã hội của địa phương. *Trong đó,* Đào tạo lao động cho doanh nghiệp *(Dạy nghề theo địa chỉ)* đã phát huy được hiệu quả, tay nghề được nâng lên rõ rệt, thu nhập ổn định.

- Các cơ sở GDNN đã có nhiều cố gắng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần quan trọng nâng cao tay nghề người học, tìm kiếm việc làm, tạo thu nhập và nâng cao mức sống cho người lao động.

2. Hạn chế

- Việc sắp xếp, quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN theo hướng tinh gọn, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp là rất cần thiết. Trong

thời gian vừa qua (từ năm 2014 đến nay), mạng lưới cơ sở GDNN có nhiều thay đổi *(nhập và tách),* do đó ít nhiều ảnh hưởng đến tâm lý đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động tại các đơn vị.

- Đa số học sinh vào học nghề có kết quả học tập văn hóa phổ thông đạt loại Trung bình, yếu *(chiếm khoảng 60%)*, do đó còn hạn chế về chấp hành nội quy, quy định và kết quả học tập cuối khóa.

- Công tác tuyển sinh hàng năm đều đạt theo kế hoạch chung của Tỉnh, tuy nhiên tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp còn thấp *(chiếm khoảng 20%)*.

- Công tác gắn kết giữa các cơ sở GDNN với doanh nghiệp, nhất là trường trung cấp, cao đẳng tuy đã phát hiệu quả trong thời gian qua, tuy nhiên vẫn còn chưa thực sự đột phá, bền vững, hiệu quả.

3. Nguyên nhân của hạn chế

- Theo Luật GDNN, việc quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN được thực hiện theo nguyên tắc *"Phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nhân lực của đất nước, ngành, địa phương, khả năng đầu tư của Nhà nước, khả năng huy động nguồn lực của xã hội"*. Trong khi đó, đến thời điểm này Chính phủ chưa ban hành quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN quốc gia, do đó việc quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN của Tỉnh còn gặp nhiều khó khăn.

- Công tác phân luồng học sinh chưa thực sự phát huy theo mục tiêu đề ra, đồng thời tâm lý phụ huynh, học sinh còn nặng bằng cấp, vào Đại học là lựa chọn ưu tiên, sau đó mới đến học nghề, việc này đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả tuyển sinh đào tạo nghề hàng năm.

- Các cơ sở GDNN và doanh nghiệp chưa gặp nhau trong phối hợp đào tạo lao động, hỗ trợ thực hành, thực tập… do các cơ sở GDNN chưa thực sự chủ động trong việc cung cấp năng lực, thông tin đào tạo; đồng thời về phía doanh nghiệp chưa thông tin kịp thời về nhu cầu ngành, nghề đào tạo, nhu cầu tuyển dụng lao động...

- Việc đầu tư trang thiết bị đào tạo từ nguồn kinh phí Trung ương trong thời gian qua rất hạn chế (*nhất là các nghề trọng điểm được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt)*, từ đó chưa thực sự đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu tổng quát

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhằm tạo cơ hội cho lao động nông thôn có việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế một cách phù hợp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn tỉnh nhà.

- Tập trung đào tạo cho lao động cho các chương trình, dự án lớn của trung ương, của tỉnh, góp phần hoàn thành mục tiêu đào tạo nguồn lao động của tỉnh đã đề ra đến năm 2025 và năm 2030.

- Phấn đấu đến năm 2025[(1)] góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 79%, trong đó qua đào tạo nghề là 57%; đến năm 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo là 87,4%, trong đó qua đào tạo nghề là 63,8%.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021 – 2025: Tổ chức đào tạo nghề cho khoảng 75.000 lao động. Trong đó: 8.500 người được đào tạo trình độ cao đẳng; 11.500 người được đào tạo trình độ trung cấp, 60.000 người được đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng. Bình quân hàng năm đào tạo nghề cho khoảng 15.000 lao động.

b) Giai đoạn 2026 – 2030: Tổ chức đào tạo nghề cho khoảng 70.000 lao động. Trong đó: 8.500 người được đào tạo trình độ cao đẳng; 11.500 người được đào tạo trình độ trung cấp, 55.000 người được đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng. Bình quân hàng năm đào tạo nghề cho khoảng 14.000 lao động.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về quản lý, chỉ đạo, điều hành

Cấp uỷ, chính quyền, các tổ chức chính trị-xã hội quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh nhận thức đúng về tầm quan trọng của đào tạo nghề với sự phát triển kinh tế - xã hội. Đưa nội dung công tác đào tạo nghề vào các nhiệm vụ trọng tâm của ngành, địa phương, lồng ghép công tác đào tạo nghề vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhằm đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, từng giai đoạn, từ đó tìm ra những hạn chế, khó khăn, vướng mắc để khắc phục.

2. Giải pháp về thông tin tuyên truyền, tư vấn

- Tăng cường tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn, tuyên truyền phổ biến các mô hình dạy nghề có hiệu quả.

- Tăng cường bản tin chuyên ngành trên báo, đài để đăng tin bài, tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Tăng cường công tác tuyên truyền đến người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn để nâng cao nhận thức học nghề, lựa chọn nghề phù hợp để có cơ hội tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm sau đào tạo.

[(1)] Công văn số 139-CV/BCSĐ ngày 25/9/2020 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh đề xuất giải trình các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2021 – 2025.

- Bằng nhiều hình thức biểu dương, khen thưởng những điển hình trong công tác đào tạo nghề cho LĐNT từng bước tuyên truyền, làm chuyển biến nhận thức của người dân về vai trò và tầm quan trọng của việc học nghề.

3. Giải pháp về cơ chế chính sách

- Khuyến khích các nhà đầu tư, các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhất là ngành nghề xã hội có nhu cầu mà khả năng, điều kiện hiện có của các cơ sở đào tạo nghề trong tỉnh chưa đáp ứng được; khuyến khích, hỗ trợ tạo điều kiện cho các nhà đầu tư về các thủ tục, thông tin để đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Ưu tiên đào tạo cho lao động nông thôn, nhất là lao động thất nghiệp, lao động thiếu việc làm, lao động bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp, lao động trong độ tuổi lao động. Hỗ trợ lao động được vay vốn ưu đãi từ chương trình vốn vay giải quyết việc làm để học nghề, tự tạo việc làm, vươn lên lập thân, lập nghiệp.

4. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN đảm bảo phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN quốc gia, trên cơ sở dự báo nhân lực theo lĩnh vực *(cơ cấu ngành, nghề phù hợp thực tế địa phương),* địa bàn quản lý theo hướng giảm đầu mối, tăng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

5. Giải pháp về công tác phối kết hợp

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan trong công tác đào đào nghề, chú trọng đào tạo theo phương thức đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động; thực hiện dự báo nhu cầu cung - cầu lao động nhằm chủ động trong công tác đào tạo nghề và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh và đào tạo nghề phục vụ xuất khẩu lao động.

- Xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa đơn vị đào tạo và doanh nghiệp thông qua sàn giao dịch việc làm, chú trọng công tác đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp. Phát triển việc đào tạo các ngành nghề tại địa phương để thanh niên có cơ hội trong học nghề và tạo việc làm cho bản thân.

6. Giải pháp về công tác huy động nguồn lực

- Tranh thủ nguồn kinh phí từ Trung ương, địa phương đầu tư, mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề. Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm về trang thiết bị đào tạo cho các trường, các trung tâm có tham gia giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu ngành nghề đào tạo.

- Tuyển chọn, đào tạo bồi dưỡng giáo viên cơ hữu phù hợp với ngành, nghề là thế mạnh của địa phương, tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên tiếp cận với khoa học kỹ thuật tiên tiến. Huy động các nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, người lao động có tay nghề bậc cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, trung tâm khuyến nông, nông dân sản xuất giỏi tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Xây dựng và ban hành các chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế theo hướng nâng cao năng lực thực hành, tăng cường ý thức, tác phong công nghiệp của người lao động, thực hiện đổi mới nội dung, chương trình đào tạo.

7. Giải pháp về công tác kiểm tra, giám sát

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; thực hiện tốt công tác sơ kết, tổng kết theo định kỳ, rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác đào tạo tại các cơ sở dạy nghề khi khai giảng, trong quá trình đào tạo và tổ chức kiểm tra kết thúc khóa học.

Trên đây là báo cáo công tác hỗ trợ đào tạo lao động giai đoạn 2016-2020 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, chuyển Sở Công thương tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Sở Công thương;
- GĐ và các PGĐ Sở;
- Lưu VT, GDNN (p).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH ĐỒNG THÁP

Nguyễn Thị Minh Tuyết